TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày: 15-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà.

Ông Thạch Văn Hòa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ:*** Bà Kim Thị Cẩm Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị U, sinh ngày 01/01/1966.

Nơi cư trú: Ấp B, xã M, thành phố Cần Thơ (ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cũ). Nơi cư trú hiện nay: Ấp M, xã H, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị M, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Ấp A, xã H, thành phố Cần Thơ (ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 28 tháng 11 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:

Bà Nguyễn Thị U có mở dây hụi tháng, khui lần đầu ngày 06/11/2019 âm lịch, dây hụi có 32 phần (chân), mỗi phần 3.000.000 đồng, bà Võ Thị M tham gia

01 phần. Đến ngày 06/3/2020 âm lịch (lần khui hụi thứ 5), bà M bỏ thăm giá 700.000 đồng, hốt được hụi với số tiền tổng cộng 74.100.000 đồng, trừ tiền đầu thảo (huê hồng) 1.500.000 đồng, bà M nhận được số tiền tổng cộng 72.600.000 đồng. Khi nhận tiền, bà Võ Thị M có ký tên đầy đủ trong giấy biên nhận. Sau khi hốt hụi, bà M phải đóng lại tiền hụi (hụi chết) cho bà U tổng cộng là 27 lần, mỗi lần là 3.000.000 đồng. Bà M đã đóng hụi chết cho bà U được 11 lần, đến ngày 06/02/2021, bà M không đóng tiền hụi cho bà U nữa. Tính đến ngày mãn hụi (06/3/2022 âm lịch) bà M còn nợ lại 16 lần với số tiền tổng cộng 48.000.000 đồng, bà U đã thay bà M trả số tiền trên cho các hụi viên. Sau đó, bà M có trả tiền hụi cho bà U nhiều lần với số tiền tổng cộng được 10.900.000 đồng, còn nợ lại số tiền 37.100.000 đồng. Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị M trả cho bà U số tiền hụi còn nợ tổng cộng 37.100.000 đồng.

Sau khi bà U khởi kiện thì bà M trả thêm cho bà U được 3.000.000 đồng nữa (trả 06 lần, mỗi lần 500.000 đồng). Tính đến nay, bà M còn nợ bà U số tiền tổng cộng 34.100.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị U thay đổi yêu cầu hởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị M trả cho bà U số tiền hụi còn nợ tổng cộng 34.100.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Võ Thị M: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 02/TB-TLVA ngày 02 tháng 01 năm 2025, tống đạt hợp lệ cho bà Võ Thị M. Bà Võ Thị M không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với bà Võ Thị M để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà M vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của bà M trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, bị đơn tham gia góp hụi do nguyên đơn làm chủ hụi, bị đơn đã hốt hụi và không đóng lại đủ tiền hụi cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả số tiền góp hụi còn nợ nguyên đơn do nguyên đơn đã đóng thay bị đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ theo yêu cầu của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, người bị kiện là bà Võ Thị M có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp A, xã H, thành phố Cần Thơ). Người khởi kiện bà Nguyễn Thị U có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ) buộc bà Võ Thị M trả cho bà U số tiền góp hụi còn nợ lại tổng cộng 37.100.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho bà Nguyễn Thị U nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và bà Nguyễn Thị U đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị U và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hụi là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Võ Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Võ Thị M.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị U thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Theo đơn khởi kiện bà U yêu cầu Tòa án buộc bà M trả cho bà U số tiền hụi còn nợ tổng cộng 37.100.000 đồng. Sau khi bà U khởi kiện, thì bà M đã trả cho bà U thêm số tiền 3.000.000 đồng nên bà U thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả cho bà U số tiền hụi còn nợ tổng cộng 34.100.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị U yêu cầu bị đơn bà Võ Thị M phải trả cho bà U số tiền góp hụi còn nợ lại tổng cộng 34.100.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 02/TB-TLVA ngày 02 tháng 01 năm 2025, tống đạt hợp lệ cho bị đơn bà Võ Thị M, nhưng bà M không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà U. Bà M không phản đối đối với tài liệu, chứng cứ do bà U đưa ra là "Biên nhận" (tiền hụi) lập ngày 06 tháng 3 năm 2020 Al. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan*

chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh" nên căn cứ vào quy định trên, Hội đồng xét xử công nhận "Biên nhận" (tiền hụi) lập ngày 06 tháng 3 năm 2020 A là có thật.

[4.2] Tại biên nhận (tiền hụi) ngày 06/3/2020Al thể hiện nội dung *"Tôi tên Võ Thị M có tham gia dây hụi 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), tổng cộng có 32 chân hụi do chị Nguyễn Thị U – Sn: 1966, ngụ ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng làm chủ dây hụi. Vào ngày 06 tháng 3 năm 2020Al, vào lần khui hụi thứ 05, tôi ra thăm trị giá 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) và được hốt hụi với số tiền 72.600.000 đồng (bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Hôm nay tôi đã nhận đủ số tiền trên và cam kết sẽ đóng hụi chết còn lại đúng theo quy định cho đến khi kết thúc dây hụi, nếu không tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm. Thiện Mỹ, ngày 06 tháng 03 năm 2020Al. Người hốt hụi ký tên và ghi họ tên Võ Thị M, chủ dây hụi ký tên ghi họ tên Nguyễn Thị U.* Như vậy, Biên nhận (tiền hụi) ngày 06/3/2020Al thể hiện nội dung bà Võ Thị M có tham gia chơi dây hụi tháng, khui lần đầu ngày 06/11/2019 âm lịch, dây hụi có 32 phần (chân), mỗi phần 3.000.000 đồng, bà Võ Thị M tham gia 01 phần do bà Nguyễn Thị U làm chủ hụi. Đến ngày 06/3/2020 âm lịch (lần khui hụi thứ 5), bà M bỏ thăm giá 700.000 đồng, hốt được hụi với số tiền tổng cộng 74.100.000 đồng, trừ tiền đầu thảo (huê hồng) 1.500.000 đồng, bà M nhận được số tiền tổng cộng 72.600.000 đồng là phù hợp với nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị U. Sau khi hốt được hụi, bà M đã đóng lại hụi cho bà U đến hết lần khui hụi thứ 16 (năm 2020 có nhuần 02 tháng 4 âm lịch). Đến ngày 06/02/2021 âm lịch, bà M không đóng tiền hụi cho bà U nữa. Tính đến ngày mãn hụi (06/3/2022 âm lịch) bà M còn nợ lại 16 lần với số tiền tổng cộng 48.000.000 đồng. Sau đó, bà M có trả thêm tiền hụi nhiều lần cho bà U với số tiền tổng cộng 13.900.000 đồng, bà M còn nợ tiền hụi bà U tổng cộng 34.100.000 đồng. Do đó, bà U khởi kiện yêu cầu bà M trả cho bà U số tiền hụi còn nợ tổng cộng 34.100.000 đồng là có cơ sở. Căn cứ theo quy định tại Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường quy định về trách nhiệm của thành viên không góp phần họ thì *"Trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì hành viên có trách nhiệm đối với chủ họ như sau: 1. Hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên; …"*. Do bà M không góp đầy đủ các phần hụi còn lại cho bà U đến khi mãn hụi, bà U đã góp các phần hụi còn lại thay cho bà M nên căn cứ theo quy định này thì bà M có nghĩa vụ phải trả cho bà U số tiền hụi còn nợ 34.100.000 đồng. Do bà U không yêu cầu bà M phải trả lãi đối với số tiền hụi chậm trả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những nhận định tại các đoạn [4.1], [4.2], Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Võ Thị M phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị U số tiền hụi còn nợ 34.100.000 đồng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm:

[7.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn bà Võ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 1.705.000 đồng.

[7.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 92; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 471; Điều 375 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị U về tranh chấp hợp đồng góp hụi với bị đơn bà Võ Thị M.

2. Xử buộc bị đơn bà Võ Thị M phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị U số tiền hụi còn nợ 34.100.000 đồng (ba mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn bà Nguyễn Thị U có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bị đơn bà Võ Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Bị đơn bà Võ Thị M phải chịu 1.705.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 927.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005857 ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng GĐ, KT, TT & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn